

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ NAM ĐỊNH

QĐ

CÔNG VĂN BẢN

Số: 3045/QĐ-UBND

Số: 241 Nam Định, ngày 26 tháng 12 năm 2017

Ngày: 29/12/2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Trực,
tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của đồ án và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Nam Định về việc thông qua Quy hoạch vùng huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định phê duyệt số 1628/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 183a/TTr-UBND ngày 13/11/2017 của UBND huyện Nam Trực, Tờ trình số 104/TTr-SXD ngày 21/12/2017 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung sau:

VB
Chuyên Hoàng
29/12/2017

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn quy hoạch:

1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch gồm toàn địa giới hành chính huyện Nam Trực, bao gồm 20 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thị trấn Nam Giang và 19 xã, giới hạn bởi:

- + Phía Bắc giáp với thành phố Nam Định;
- + Phía Đông giáp với huyện Vũ Thư (tỉnh Thái Bình). Lấy sông Hồng làm ranh giới;
- + Phía Tây giáp với huyện Vụ Bản, huyện Nghĩa Hưng và huyện Ý Yên;
- + Phía Nam giáp với huyện Trực Ninh.

1.2. Quy mô diện tích:

Gồm toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Nam Trực 163,89 km².

1.3. Thời hạn quy hoạch:

Ngắn hạn đến năm 2020; dài hạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

2. Tính chất vùng huyện:

- Là một trong những trung tâm văn hóa, xã hội - kinh tế thuộc tỉnh Nam Định;
- Là vùng phát triển đa ngành, lấy công nghiệp và dịch vụ thương mại là hướng phát triển ưu tiên;
- Là đầu mối giao thông quan trọng tại cửa ngõ phía Nam của thành phố Nam Định.

3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng:

3.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân bình hàng năm thời kỳ 2016 - 2020 là 12,1%/năm và thời kỳ 2021 - 2030 là 12,5%/năm. Giá trị sản xuất bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 380 triệu đồng.

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế GTSX (giá hiện hành):
 - + Đến năm 2020, cơ cấu ngành nông, lâm, thủy sản - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ tương ứng là 13% - 60% - 27%;
 - + Đến năm 2030, cơ cấu ngành nông, lâm, thủy sản - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ tương ứng là 6,5% - 65% - 28,5%;
 - + Đến năm 2050, cơ cấu ngành nông, lâm, thủy sản - công nghiệp và xây dựng - dịch vụ tương ứng là 5% - 65% - 30%.

3.2. Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2016-2020 là 0,9%/năm (tỷ lệ tăng tự nhiên).

- Tốc độ tăng dân số trung bình toàn huyện giai đoạn 2021-2030 là 1,1%/năm (bao gồm cả tăng tự nhiên và tăng cơ học).

- Dân số hiện trạng (2016) là 194.082 người. Dân số năm 2020 là 202.800 người, năm 2030 là 172.070 người.

- Lao động: Dự kiến nguồn lao động chiếm 65-70% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 60-65%.

3.3. Dự báo sử dụng đất:

3.3.1. Quan điểm chung:

- Dành quỹ đất hợp lý để phát triển cụm công nghiệp, các làng nghề truyền thống, phát triển các đô thị, các thị trấn. Đặc biệt là quỹ đất cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững lâu dài, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện.

- Phân bổ, sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng lúa phù hợp theo từng giai đoạn phát triển đảm bảo an ninh lương thực. Khai thác sử dụng đất phải đặc biệt coi trọng mục tiêu phòng thủ, an ninh quốc gia, ưu tiên những địa thế tự nhiên thuận lợi kết hợp kinh tế với quốc phòng.

- Khai thác sử dụng đất phải đi đôi bảo vệ môi trường, đảm bảo môi trường ổn định và bền vững.

3.3.2. Dự báo quy hoạch sử dụng đất:

Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích tự nhiên	16.170,90	100
Đất nông nghiệp	10.913,06	67,5
Đất phi nông nghiệp	5.198,84	32,14
Đất chưa sử dụng	59	0,36

- Năm 2020:

+ Đất đô thị, nông thôn toàn huyện khoảng: 4.730 ha.

+ Đất đô thị khoảng 710 ha, bình quân 350m²/người. Đất dân dụng khoảng 175 ha, chỉ tiêu khoảng 85m²/người.

+ Đất nông thôn khoảng 4.020 ha.

- Năm 2030:

+ Đất đô thị, nông thôn toàn huyện khoảng: 4.650 ha.

+ Đất đô thị khoảng 2.200 ha (bao gồm: TT Nam Giang, đô thị Đồng Sơn), bình quân 473 m²/người. Đất dân dụng khoảng 380 ha, chỉ tiêu khoảng 90 m²/người.

+ Đất nông thôn khoảng 2.450 ha.

Tổng diện tích đất đô thị, nông thôn toàn huyện giảm do 5 xã: Hồng Quang, Điền Xá, Nghĩa An, Nam Mỹ, Nam Toàn sát nhập vào thành phố

3.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đảm bảo đáp ứng các quy định theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

4. Định hướng phát triển tổng thể không gian vùng:

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian vùng huyện theo mô hình phát triển đa cực. Trong đó lấy các đô thị trung tâm và vùng phát triển kinh tế làm hạt nhân phát triển không gian vùng từ đó lan toả ra các khu vực xung quanh.

Đối với vùng huyện Nam Trực phân làm 2 tiểu vùng phát triển không gian:

+ Không gian vùng trung tâm huyện: Lấy khu vực trung tâm huyện lỵ Nam Giang làm hạt nhân phát triển lan toả ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục TL485B, TL490C và các trục huyện lộ). Đây là vùng phát triển về CN-TTCN kết hợp với dịch vụ thương mại và nông nghiệp hàng hoá. Tại đây có lợi thế khu vực cửa ngõ thành phố, có các CCN (CCN Đồng Côi, CCN Tân Thịnh); khu vực trung tâm huyện lỵ Nam Giang, đô thị Nam Hùng, Tân Thịnh phát triển mạnh về dịch vụ thương mại, tài chính; vùng nông nghiệp công nghệ cao tại bãi Thăng Thịnh, khu vực chuyên trồng rau sạch, hệ thống giao thông thuận lợi (bao gồm QL21, QL21B, TL485B-đường vành đai II) là lợi thế để phát triển không gian vùng.

+ Không gian vùng phía Nam huyện: Lấy đô thị Đồng Sơn làm hạt nhân phát triển, lan toả ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục TL487, TL490C và các trục huyện lộ). Đây là vùng phát triển đồng đều về nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp - TTCN, dịch vụ thương mại. Tại đây có hai đô thị mới là Đồng Sơn, Nam Tiến, các làng nghề TTCN truyền thống, các vùng sản xuất nông nghiệp (gắn với các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất, cơ sở chế biến), hệ thống giao thông (bao gồm QL21B, QL21, TL487) là lợi thế để phát triển không gian vùng.

Hai tiểu vùng trên kết nối với nhau bởi các trục quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ.

Năm xã khu vực phía Bắc huyện (bao gồm: Nghĩa An, Nam Toàn, Nam Mỹ, Hồng Quang, Điền Xá) sẽ sát nhập vào thành phố Nam Định theo Quyết định số 2084/QĐ-TTg ngày 22/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Nam Định đến năm 2025.

5. Định hướng phát triển các đô thị và điểm dân cư nông thôn:

5.1. Định hướng phát triển các đô thị:

- Dự báo tỷ lệ đô thị hoá trên địa bàn huyện đến năm 2030 đạt 25%.
- Giai đoạn đến năm 2020: có 1 đô thị loại V (thị trấn Nam Giang).
- Giai đoạn 2021-2030: có 2 đô thị loại V (thị trấn Nam Giang, đô thị Đồng Sơn). Năm xã: Nghĩa An, Hồng Quang, Điền Xá, Nam Mỹ, Nam Toàn sẽ sát nhập vào thành phố Nam Định.
- Tầm nhìn đến năm 2050:

Nâng cấp xã Nam Hùng, Tân Thịnh, Nam Tiến lên đô thị loại V.

5.2. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn:

Thu hẹp dần độ chênh lệch mọi mặt giữa các vùng đô thị và nông thôn. Đến hết năm 2018, 100% xã, thị trấn được công nhận NTM; huyện Nam Trực đạt chuẩn huyện NTM vào năm 2019.

Tiếp tục xây dựng nông thôn mới bền vững, nâng cao chất lượng 19 tiêu chí xã và 9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp.

Phát triển mới các khu dân cư tập trung tại các xã theo quy hoạch xây dựng NTM. Trong đó ưu tiên xây dựng các khu dân cư tập trung tại các xã: Nam Dương, Nam Thanh, Nam Cường, Nam Hoa, Bình Minh, Nam Hùng, Hồng Quang.

6. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

6.1. Định hướng phát triển các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất:

Các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất bao gồm các chức năng: sản xuất công nghiệp (chủ yếu là chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh); về thương mại (chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); về dịch vụ sản xuất nông nghiệp, tập trung phát triển các lĩnh vực (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng), dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường; thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng, bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường) và dịch vụ thiết yếu cho cuộc sống (giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao).

Trên địa bàn huyện, xây dựng 3 trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất tại thị trấn Nam Giang, Tân Thịnh, Nam Tiến quy mô 3 ha/ điểm.

6.2. Định hướng phát triển nông - lâm - thủy sản:

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá với tỷ trọng cao các sản phẩm chất lượng cao thông qua tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM. Đến năm 2030 đảm bảo ngành nông nghiệp của huyện phát triển bền vững trên cả 3 khía cạnh kinh tế - xã hội - môi trường, quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng CNH - HĐH, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Tập trung khai thác hiệu quả các tiềm năng đất đai, lao động; đa dạng hoá sinh kế, đảm bảo an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng; tăng nhanh khối lượng, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm nông sản, thực phẩm hàng hoá.

6.3. Phân bố không gian phát triển công nghiệp:

- Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp - xây dựng, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động trong nông thôn.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp cơ khí, dệt may, da giày, chế biến nông thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, củng cố và phát triển các làng nghề hiện có, khôi phục các làng nghề có ưu thế phát triển.

** Cụm công nghiệp:*

Cập nhật theo điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 04/4/2017. Cụ thể, toàn huyện Nam Trực có 4 CCN bao gồm: CCN Đồng Côi, CCN Vân Chàng, CCN Nam Thanh, CCN Tân Thịnh, tổng diện tích 121,65 ha.

6.4. Thương mại, dịch vụ:

- Phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu,... phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển thương mại rộng khắp theo hướng mở rộng quan hệ, gắn với thị trường trong và ngoài nước.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các ngành du lịch, dịch vụ và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành dịch vụ.

7. Định hướng hệ thống các lĩnh vực, công trình hạ tầng xã hội:

7.1. Hệ thống công trình giáo dục đào tạo:

Đến năm 2018, 100% các cơ sở giáo dục đảm bảo đủ diện tích đất theo chuẩn của Bộ Giáo dục và đào tạo; 100% cơ sở giáo dục có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

7.2. Hệ thống công trình y tế, bảo vệ sức khỏe:

- Nâng cao năng lực quản lý, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia, các chương trình, mục tiêu của tỉnh.

- Xã hội hoá công tác y tế: Huy động sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

- Đến năm 2018: Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 85%.

- Giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Nam Trực lên hạng II.

7.3. Văn hóa - Thể thao:

- Đến năm 2018, 100% xã, thị trấn có khu văn hoá - thể thao đạt chuẩn NTM; 100% khu dân cư xây dựng Nhà văn hoá - khu thể thao.

Xây dựng mới khu trung tâm văn hoá, thể thao cấp huyện tại vị trí phía Tây trụ sở UBND xã Nam Dương.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Định hướng phát triển giao thông:

8.1.1. Giao thông đường bộ:

- Quốc lộ:

+ Quốc lộ 21 giai đoạn 2021-2030, mở rộng đường Lê Đức Thọ đạt tiêu chuẩn đường phố chính đô thị chủ yếu, mặt cắt ngang gồm 6 làn xe cơ giới, tổng bề rộng $B_{\text{nhìn}} = 67\text{m}$.

+ Quốc lộ 21B quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Tỉnh lộ: Các tuyến tỉnh lộ 490C, tỉnh lộ 487, tỉnh lộ 485B, tỉnh lộ 487B quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, đoạn qua thị trấn đảm bảo tuân thủ quy hoạch đường đô thị.

- Huyện lộ: 7 tuyến huyện lộ hiện có (Huyện lộ Nam Ninh Hải, huyện lộ An Thắng, huyện lộ Bình Sơn, huyện lộ Tiến Thái, huyện lộ Hoa Lợi Hải, huyện lộ Thanh Khê, huyện lộ Mỹ Điền) quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

8.1.2. Giao thông đường thủy

- Đối với tuyến sông Hồng, sông Đào do Trung ương quản lý được quy hoạch phù hợp với quy hoạch Đường thủy nội địa Việt Nam: Đến năm 2020 luồng đạt tiêu chuẩn ĐTNĐ cấp I cho tàu tải trọng đến 1.000 tấn đi lại; sau năm 2020 cải tạo luồng cho phép tàu > 1.000 tấn đi lại.

- Đối với tuyến sông do địa phương quản lý: duy trì cấp sông hiện tại, cho các phương tiện chở hàng có tải trọng đến 50 - 100 tấn đi lại.

- Xây dựng cảng sông Nam Định mới tại xã Điền Xá công suất đạt 5 triệu tấn/năm và cho tàu 2.000 tấn ra vào cảng.

8.1.3. Đất giao thông tỉnh:

Mở rộng, nâng cấp bến xe khách phía Nam thành phố tại xã Nghĩa An, quy mô bến loại I, diện tích tối thiểu 15.000m², kết hợp với bãi đỗ xe tỉnh và trạm trung chuyển xe buýt.

8.1.4. Giao thông đường sắt :

Giai đoạn 2021-2030: Xây dựng mới tuyến đường sắt Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh quy mô đường đơn cấp 1, khổ 1.435 mm và 2 cầu đường sắt trên sông Đào, sông Hồng trong đó có đoạn qua huyện Nam Trực

8.2. Cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Kết hợp hình thức khai thác nước mặt gồm sông Hồng, sông Đào và nước ngầm trong việc cung cấp nước trên địa bàn huyện.

Dự báo nhu cầu dùng nước

STT	Năm	Nhu cầu dùng nước(m ³ /ng.đ)		Tổng nhu cầu (m ³ /ng.đ)
		Sinh hoạt, dịch vụ, thoát, yêu cầu NM	Công nghiệp	
1	Năm 2020	28.220	2.550	30.770
2	Năm 2030	23.940	5.475	29.415

* Kết nối các trạm cấp nước (Nam Hồng, Tân Thịnh, Điền Xá, Minh Hồng, Nam Thanh) vào các nhà máy nước để tạo thành 7 cụm cấp nước tập trung và nâng công suất các nhà máy:

- Cụm 1: Nhà máy nước Nghĩa An cấp nước cho 6 xã phía Bắc huyện (Nghĩa An, Hồng Quang, Nam Mỹ, Nam Toàn, Nam Cường, Nam Hùng).

- Cụm 2: Nhà máy nước Nam Thắng cấp cho 3 xã Nam Thắng, Điền Xá, Tân Thịnh.

- Cụm 3: Nhà máy nước HTX Sông Đào - Nam Giang quy hoạch mở rộng mặt bằng với diện tích 1 ha, nâng cấp hệ thống đủ công suất cấp nước cho khu vực TT. Nam Giang.

- Cụm 4: Nhà máy nước Nam Dương cung cấp nước cho 2 xã Nam Dương, Bình Minh.

- Cụm 5: Nhà máy nước Đồng Sơn cấp nước cho xã Đồng Sơn và một phần xã Bình Minh.

- Cụm 6: Nhà máy nước Nam Tiến (lấy nước qua nhà máy nước Trung Đông) cấp nước cho 3 xã Nam Tiến, Nam Thái, Nam Thanh.

- Cụm 7: Nhà máy nước Nam Hoa cấp nước cho 3 xã Nam Hoa, Nam Hồng, Nam Lợi.

* Riêng xã Nam Hải lấy nước từ nhà máy nước Trục Nội, huyện Trục Ninh.

8.3. Cấp điện:

Dự báo đến năm 2020 nhu cầu công suất điện trên địa bàn huyện là $P_{max} = 56,6\text{MW}$, đến năm 2030 $P_{max} = 112,7\text{MW}$.

Trong cơ cấu tiêu thụ điện năng đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030, điện dùng cho quản lý tiêu dùng dân cư và điện cho công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ lớn nhất. Nhu cầu điện thương phẩm đến năm 2020 là 264,7 triệu kWh, đến năm 2030 là 567,1 triệu kWh.

8.4. Quy hoạch hệ thống thủy lợi:

Tiếp tục hoàn thành các dự án nâng cấp các tuyến đê sông. Giai đoạn đến năm 2030 toàn bộ hệ thống đê kè được hoàn thiện nâng cấp, cứng hoá mặt đê.

- Nạo vét và lát mái đầu bờ sông Châu Thành.

- Kiên cố hoá lát mái kè sông Đào, sông Hồng những đoạn còn lại.

* Quy hoạch hệ thống các công trình thủy lợi:

- Khơi thông dòng chảy, kiên cố hoá kênh Châu Thành, Sa Lung, Cỏ Lẽ - Bà Nữ, kênh ven quốc lộ 21.

- Nâng cấp, cải tạo các công trình tưới tiêu đầu mối: cống Ngô Xá, cống Sa Lung, cống Kinh Lũng, cống Đồng Lự, cống Dương Độ, cống Nam Hà ngoài, cống Từ Quán, cống Bái Hạ, cống Phú Hào.

- Nâng cấp các trạm bơm: Ấp Bắc, Nho Đông, Bắc Sơn 1, Bắc Sơn 2, Nam Hà, Kinh Lũng, An Lá I, An Lá II, Đông Đường Vàng, Bái Hạ.

- Nâng cấp, cải tạo các công trình nội đồng: kiên cố hoá hệ thống kênh mương, trạm bơm, đập điều tiết nội đồng, ...

8.5. Quy hoạch thoát nước, quản lý CTR và nghĩa trang:

* Thoát nước

Hệ thống thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải tại đô thị được xây dựng đồng bộ, đạt yêu cầu quy chuẩn hiện hành và phù hợp với quy hoạch đô thị; Nước thải tại các bệnh viện, khu, cụm công nghiệp, làng nghề phải được xử lý đáp ứng đủ tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

Chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho các khu vực dân cư nông thôn nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng sống khu vực nông thôn.

Dự báo tổng lượng nước thải

STT	Năm	Nhu cầu thoát nước(m ³ /ng.đ)		Tổng nhu cầu(m ³ /ng.đ)
		Sinh hoạt, dịch vụ	Công nghiệp	
1	Năm 2020	28.220	2.040	30.260
2	Năm 2030	23.945	4.380	28.325

* Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn:

Định hướng quy hoạch khu xử lý chất thải rắn tại xã Đồng Sơn quy mô 2 ha xử lý CTR sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp thông thường và đốt CTR y tế nguy hại cho toàn huyện.

Tại các CCN, quy hoạch xây dựng hệ thống xử lý CTR nội bộ và xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ cho các CCN Đồng Côi, Nam Thanh, Tân Thịnh.

Tại các làng nghề có phát sinh CTR: tổ chức thu gom CTR thông thường và nguy hại, vận chuyển xử lý theo đúng quy định về môi trường.

* Nghĩa trang: Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn huyện được bố trí theo quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn được phê duyệt.

9. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường:

Thực hiện các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường cụ thể trong từng giải pháp về tổ chức quản lý; bảo vệ môi trường nước ngầm; giải pháp bảo vệ môi trường đất; bảo vệ môi trường nước mặt; giải pháp bảo vệ môi trường không khí và giảm tiếng ồn; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư:

Danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư trong kỳ quy hoạch

STT	TÊN DỰ ÁN
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp TL487B (đường Trắng)
2	Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải; đường An Thắng
3	Xây dựng các cầu Kinh Lũng, Mỹ Điền, Trí An, Nam Thái

4	Xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp, trong đó có việc mở rộng CCN Đồng Côi (bao gồm hạ tầng cơ sở, khu xử lý CTR và nhà máy xử lý nước thải)
5	Xây dựng khu dịch vụ thương mại tại TT. Nam Giang trên trục TL485B, xây dựng khu dịch vụ thương mại tại Nam Hùng
6	Xây dựng khu du lịch sinh thái Điền Xá
7	Xây dựng trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất tại TT. Nam Giang, Nam Tiến, Tân Thịnh
8	Xây dựng khu văn hoá - thể thao cấp huyện tại phía Tây UBND xã Nam Dương
9	Xây dựng khu đô thị (khu 1) của huyện tại phía Tây UBND xã Nam Dương, khu đô thị 2 Nam Giang tại khu bệnh viện cũ và trung tâm giáo dục thường xuyên Vũ Tuấn Chiêu. Xây dựng các khu dân cư tập trung tại Nam Dương, Nam Thanh, Tân Thịnh, Đồng Sơn, Nam Cường, Nam Hoa, Bình Minh, Nam Hùng, Hồng Quang, Nam Tiến.
10	Dự án nạo vét, lát mái đầu bờ sông Châu Thành. Dự án kiên cố hoá lát mái sông Đào - sông Hồng
11	Xây dựng hạ tầng vùng nông nghiệp công nghệ cao và sinh thái tại bãi Thắng Thịnh
12	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn Đồng Sơn.
13	Đầu tư các dự án phục vụ xây dựng nông thôn mới: Quy hoạch xây dựng khu thể thao - văn hoá, nâng cấp hệ thống các chợ trên địa bàn huyện; đầu tư, nâng cấp các công trình thuỷ lợi; đầu tư nâng cấp hệ thống y tế tuyến xã; xây dựng, nâng cấp các trường học

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Nam Trực:

- Công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; tổ chức rà soát việc lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch chung, phân khu, quy hoạch chi tiết, cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Trực, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

2. Giao các Sở, ban, ngành của tỉnh các đơn vị liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Trực được duyệt tại Điều 1 theo quy định. Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện thuộc lĩnh vực của đơn vị.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nam Trực và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Vp1, Vp3, Vp5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Ngô Gia Tự